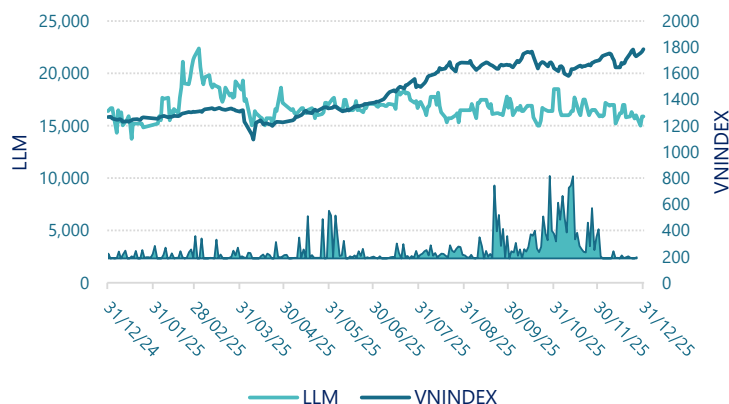


Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP (UPCOM: LLM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	15,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,383
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,744
SL cổ phiếu LH	79,726,104
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,930
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,268
P/E	3.7
EPS	4,243

DT thuần

Q4/25

1,713

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,045 | 156%

YoY: ▲ 704 | 69.8%

LN sau thuế

Q4/25

148

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 51.9 | 53.9%

YoY: ▲ 139 | 1589%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

8.1%

+/- YoY: ▲ 5.2%

DT thuần

2025

5,426

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 675 | -11.1%

LN sau thuế

2025

320

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 241 | 303%

ROE

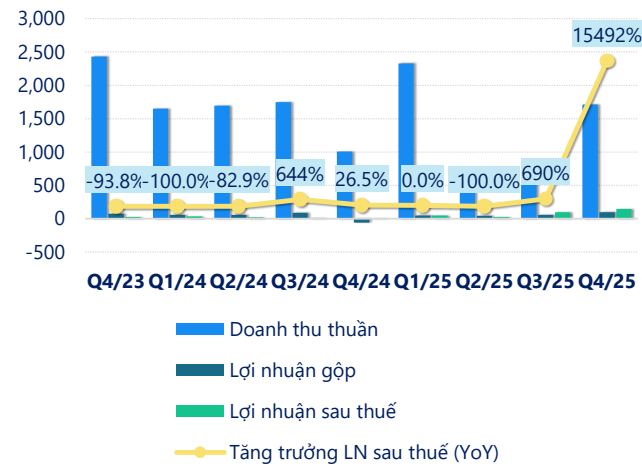
2025

30.2%

+/- YoY: ▲ 20.5%

tỷ VNĐ

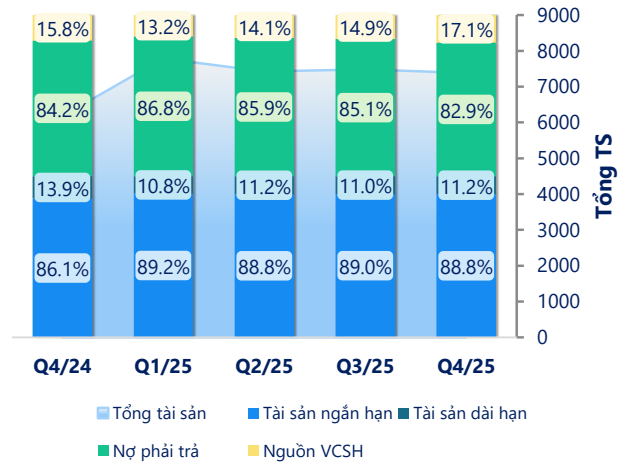
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

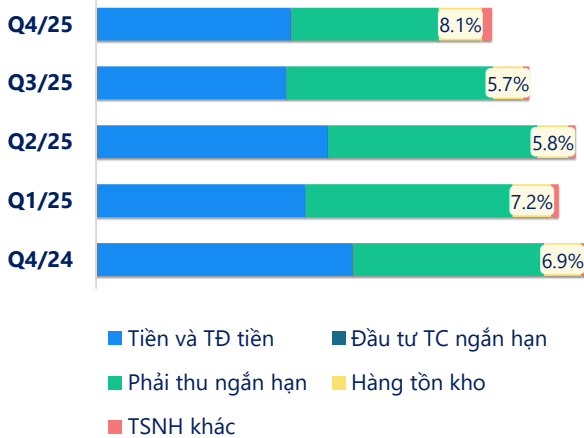
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



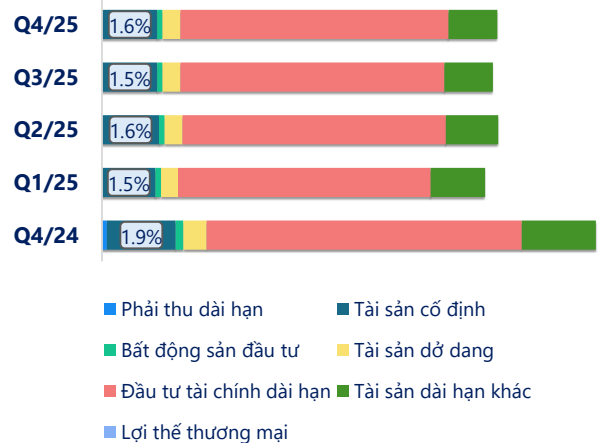
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

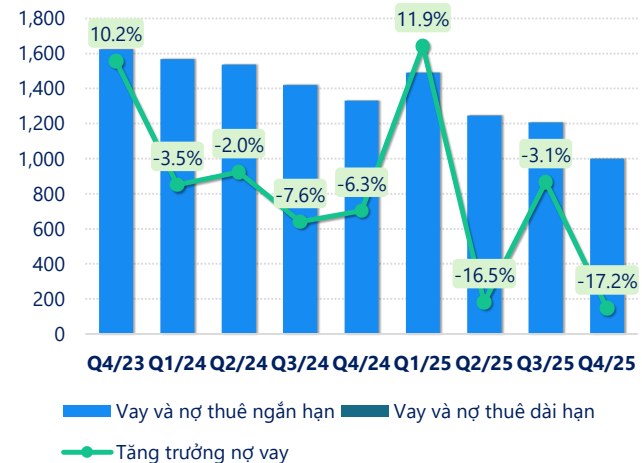
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

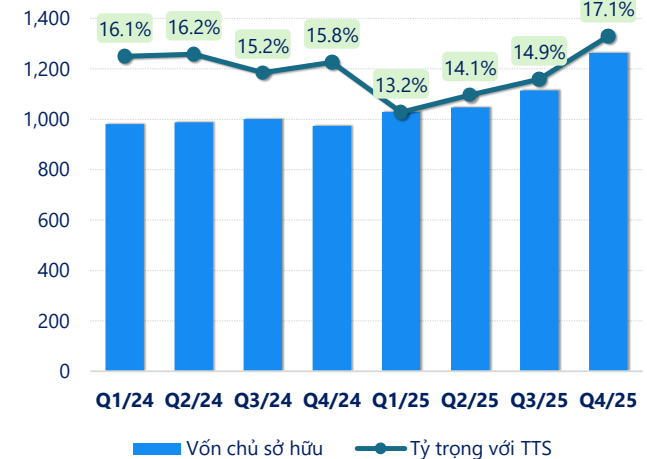
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

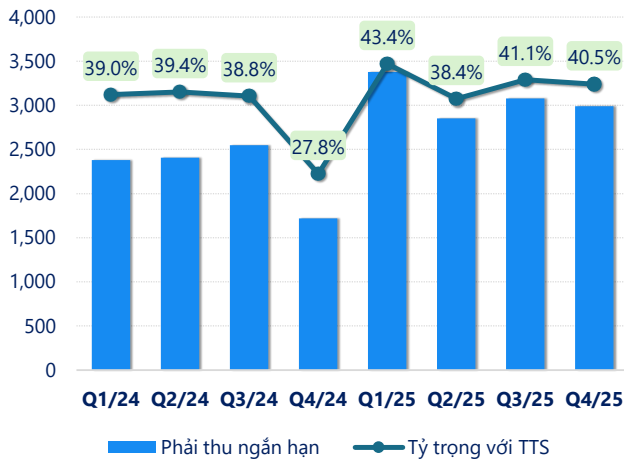
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

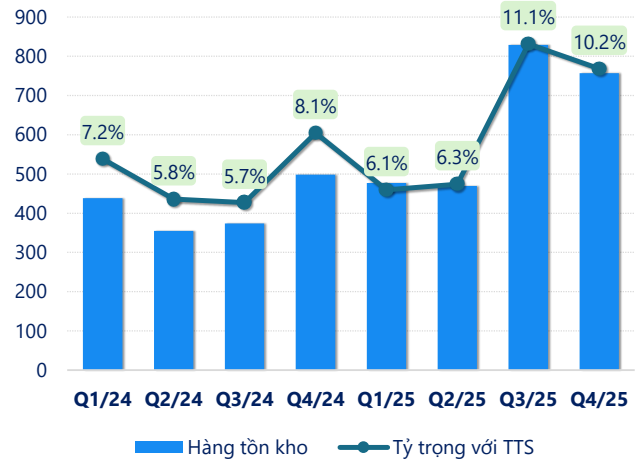
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

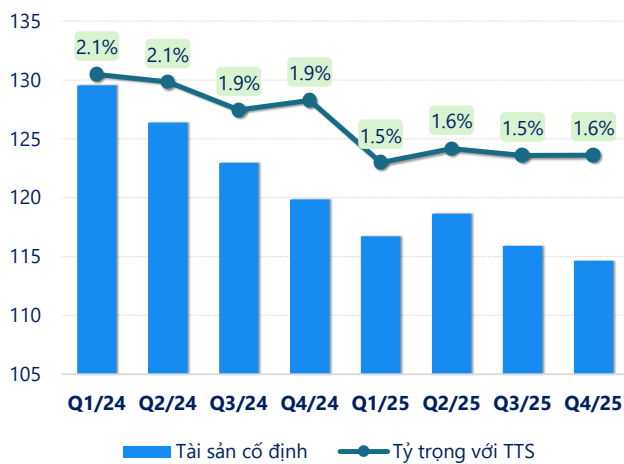
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

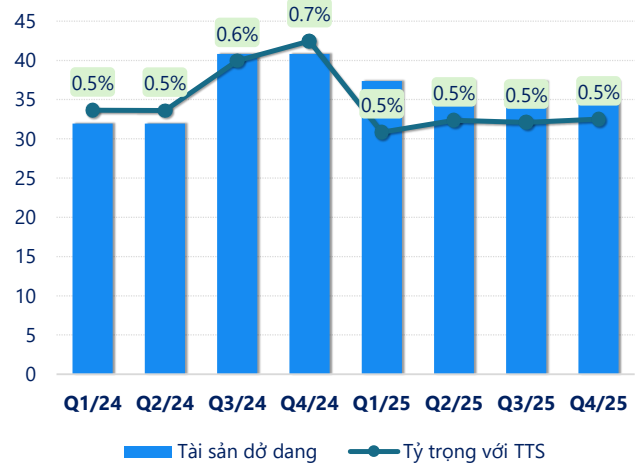
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



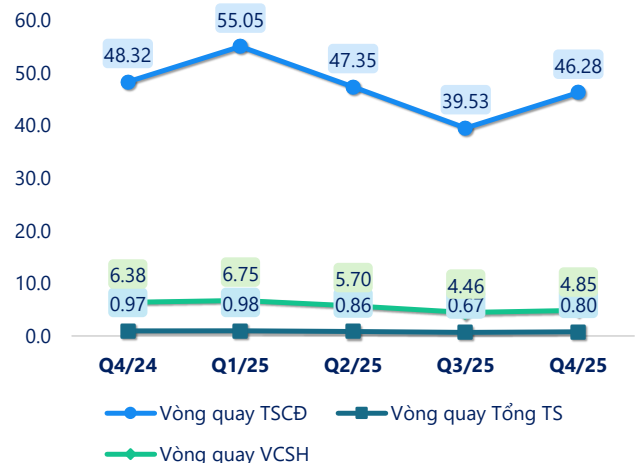
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	6,179	7,787	7,422	7,479	7,385
Tài sản ngắn hạn	5,318	6,945	6,592	6,655	6,562
Tiền và tương đương tiền	2,976	3,057	3,230	2,672	2,701
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.50	6.65	6.75	6.51	6.59
Phải thu ngắn hạn	1,718	3,378	2,852	3,076	2,990
Hàng tồn kho	498	477	469	829	757
Tài sản ngắn hạn khác	119	27.4	33.9	70.8	107
Tài sản dài hạn	861	841	830	825	824
Phải thu dài hạn	8.74	0.59	0.59	0.59	0.59
Tài sản cố định	120	117	119	116	115
Bất động sản đầu tư	13.1	12.5	12.0	11.4	10.8
Tài sản dở dang	40.8	37.4	37.4	37.3	37.3
Đầu tư tài chính dài hạn	549	555	551	557	559
Tài sản dài hạn khác	130	120	110	102	101
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	5,205	6,758	6,375	6,365	6,123
Nợ ngắn hạn	4,784	6,354	5,823	5,789	5,430
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,330	1,489	1,244	1,205	998
Phải trả người bán ngắn hạn	1,541	1,376	1,137	1,300	1,505
Nợ dài hạn	421	404	552	576	693
Vay và nợ thuê dài hạn	1.11	0.93	0.76	0.58	0.41
Nguồn vốn chủ sở hữu	974	1,029	1,046	1,114	1,262
Vốn chủ sở hữu	974	1,029	1,046	1,114	1,263
Vốn điều lệ	797	797	797	797	797
Kinh phí và quỹ khác	-0.27	-0.27	-0.27	-0.27	-0.27

(Nguồn: fireant.vn)